

Bản án số: 463/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/7/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phường

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Á
- Ông Nguyễn Hữu Tố

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Uyên- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Đình - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thúy V, sinh năm 1999

Địa chỉ: Khu phố T, phường H, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Anh Trần N, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn K, xã Hoài Mỹ, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Thúy V trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Trần N tự nguyện đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 6 năm 2020 tại UBND xã Hoài Mỹ, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Hiện vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Do đó, chị V yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh N vì

tình cảm không còn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nhật D (Giới tính: Nam), sinh ngày 05 tháng 12 năm 2020 đang ở với chị V. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo và giấy báo của Tòa án.

+ *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo qui định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt, bị đơn không có mặt mặc dù đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V, cho chị V và anh N được ly hôn; giao 01 con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ghi nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu; Chị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn nên theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh Trần N đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn Khánh Trạch, xã Hoài Mỹ, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định nên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, theo qui định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án yêu cầu anh N có mặt tại Tòa để làm việc nhưng anh N cố tình trốn tránh, không hợp tác, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ theo quy định tại các Điều 91; 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nên phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] Về hôn nhân: Chị V và anh N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, chị V cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tuy chị V không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nhưng việc anh N được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn cố tình vắng mặt chứng tỏ anh N bỏ mặc hạnh phúc của chính mình, không muốn đưa ra một biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó cho thấy tình tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh N là trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V.

[5] Về yêu cầu nuôi con chung: Chị V và anh N có 01 con chung là cháu Trần Nhật D, sinh ngày 05/12/2020, xét thấy cháu D chưa đủ 36 tháng tuổi, cần sự quan tâm, chăm sóc đặc biệt từ người mẹ, hơn nữa cháu D đang do chị V nuôi dưỡng, chăm sóc và chị V có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình giao cháu D cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Theo qui định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì chị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thúy V.
- Về hôn nhân: Chị Ngô Thúy V được ly hôn anh Trần N.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Nhật D (Giới tính: Nam), sinh ngày 05 tháng 12 năm 2020 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng cho con theo qui định của pháp luật.

Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Ngô Thúy V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị V đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001912 ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định nên được khấu trừ.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- UBND xã Hoài Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Phường

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- UBND phường Tam Quan Bắc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Phường

